TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 07/2019/DS-ST
Ngày: 24 tháng 5 năm 2019
V/v:"*Kiện đòi tài sản*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Anh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Thị Oanh

2. Ông Nguyễn Đình Nghịch

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dânhuyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk *tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thuỷ – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019 tại phòng xử án, Trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc "Kiện đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2019 và quyết định hoãn phiên toà số 08A/2019/QĐST-DS, ngày 16/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị T; sinh năm 1969 – Có mặt.

Địa chỉ : Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Bà Cao Thị T2; sinh năm 1973 -Có mặt

Ông Trịnh Minh T3; sinh năm 1969- Có mặt.

Địa chỉ : Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2018, bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên toà, nguyên đơn bà Ngô Thị T trình bày:*

Do mối quan hệ quen biết nên tôi có cho ông Trịnh Minh T3 và bà Cao Thị T2 vay số tiền 38.000.000 đồng cụ thể:

Vào ngày 07/7/2006 Tôi có cho ông Trịnh Minh T3 và bà Cao Thị T2 vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn trả nợ ngày 22/7/2006. Việc vay mượn được lập thành giấy mượn tiền có chữ ký và chữ viết của ông T3, bà T2.

Ngày 11/7/2006 tôi có cho bà Cao Thị T2 vay thêm số tiền là 3.000.000 đồng, việc vay mượn có chữ viết xác nhận của bà T2.

Ngày 12/7/2006 tôi có cho bà Cao Thị T2 vay thêm số tiền là 10.000.000 đồng, việc vay mượn có chữ viết xác nhận của bà T2.

Ngày 14/7/2006 tôi có cho bà Cao Thị T2 vay thêm số tiền là 10.000.000 đồng, việc vay mượn có chữ viết xác nhận của bà T2.

Như vậy, tổng số tiền mà ông T3 và bà T2 vay của tôi là 38.000.000 đồng, mục đích vay để buôn bán, phục vụ nhu cầu gia đình.

Trong các ngày vay 11; 12;14 tháng 7 năm 2006 không thể hiện thời hạn trả nợ nhưng hai bên thoả thuận miệng mới nhau vay khoảng 1 tuần kể từ người vay thì trả tiền cho tôi và trong giấy vay cũng không thể hiện lãi suất.

Toàn bộ chữ viết trong giấy vay tiền mà tôi cung cấp cho Toà án là do bà Cao Thị T2 viết ra và ông T3 có ký xác nhận vào khoản vay 15.000.000 đồng.

Vào ngày 07/7/2006 ông Trịnh Minh T3 và bà Cao Thị T2 đã trả cho tôi số tiền là 5.000.000 đồng của khoản vay 15.000.000 đồng.

Tổng số tiền hiện nay ông T3 và bà T2 còn nợ tôi là 33.000.000 đồng.

Trong giấy mượn tiền bà T2 ghi 07/7/206 là do bà T2 ghi sai chính tả, vì bà T2 và ông T3 mượn 15.000.000 đồng của tôi vào ngày 07/7/2006 nhưng bà T2 lại ghi năm 206, tôi không để ý cứ nghĩ đó là năm 2006, còn các lần mượn ngày 11/7; 12/7; 14/7 không thể hiện năm, nhưng đều mượn trong năm 2006 và đó đều là chữ viết của bà T2.

Đến hạn trả nợ cho tôi, do thấy hoàn cảnh kinh tế ông T3 và bà T2 quá khó khăn, nên tôi cho ông T3 và bà T2 thêm thời gian để trả nợ, tuy nhiên sau này mặc dù tôi đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông T3 và bà T2 trả tiền cho tôi nhưng ông T3 và bà T2 vẫn cố tình trốn tránh, không chịu trả nợ cho tôi.

Vậy, tôi đề nghị Toà án buộc ông Trịnh Minh T3 và bà Cao Thị T2 phải có trách nhiệm trả cho tôi số tiền 33.000.000 đồng (ba mươi ba triệu đồng) tiền gốc.

Trong đơn khởi kiện tôi yêu cầu tính lãi suất của số tiền 33.000.000 đồng kể từ ngày vay, đến khi trả hết nợ theo quy định pháp luật, nhưng hiện nay tôi xin rút, không yêu cầu tính lãi suất nữa, chỉ yêu cầu bà Cao Thị T2 và ông Trịnh Minh T3 trả cho tôi số tiền gốc là 33.000.000 đồng.

** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Cao Thị T2 và ông Trịnh Minh T3 trình bày:*

Vợ chồng tôi có mối quan hệ quen biết với bà Ngô Thị T, vào năm 2006 bà T2 có mượn bà Ngô Thị T 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), lúc mượn tiền bà T2 có ký chữ T2 vào trong sổ nợ của bà T, mục đích mượn tiền là để mua đất, lãi suất các bên thoả thuận miệng là 300.000 đồng/10.000.000đồng/1 tháng, lúc

mượn tiền thì bà T2 có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Phan Văn P và một giấy tờ mua bán viết tay giữa bà T2 và ông P cho bà Ngô Thị T (thửa đất này do bà T2 mua của ông P nhưng chưa sang tên đổi chủ), hiện nay bà Ngô Thị T đã tự ý bán thửa đất mà bà T2 thế chấp, nên vợ chồng chúng tôi không đồng ý trả số tiền 10.000.000 đồng cho bà T nữa.

Hiện nay bà T cho rằng ngoài khoản vay 10.000.000 đồng trên, thì vợ chồng chúng tôi còn vay của bà T 38.000.000 đồng, trong đó: Ngày 07/7/2006 vay số tiền 15.000.000 đồng, ngày 11/7/2006 vay số tiền là 3.000.000 đồng, ngày 12/7/2006 vay số tiền là 10.000.000 đồng, ngày 14/7/2006 vay10.000.000 đồng và đã trả 5.000.000 đồng còn lại 33.000.000 đồng là không đúng, vợ chồng chúng tôi chỉ vay bà T đúng 10.000.000 đồng, lúc vay 10.000.000 đồng thì bà T là người tự viết vào sổ nợ và bà T2 ký xác nhận nợ chứ bà T2 không trực tiếp viết vào sổ nợ bà T như chứng cứ bà T cung cấp, ngoài ra chúng tôi không vay bất kỳ khoản vay nào khác của bà T.

Nội dung chữ viết và chữ ký trong chứng cứ mà bà Ngô Thị T dùng để khởi kiện vợ chồng chúng tôi, không phải do bà T2 viết và bà T2, ông T3 cũng không ký ra, vì vợ chồng chúng tôi không vay của bà T khoản tiền nào như bà T khởi kiện, trong giấy mượn tiền bà T dùng để khởi kiện thể hiện năm 206 lúc đó vợ chồng chúng tôi chưa sinh ra sao mà mượn tiền được, nên vợ chồng tôi không đồng ý trả cho bà T 33.000.000 đồng.

Quá trình tham gia tố tụng, mặc dù Tòa án đã tiến hành đối chất nhưng bà T2 và ông T3 không thừa nhận chữ viết và chữ ký trong giấy mượn tiền bà T dùng khởi kiện là chữ viết và chữ ký của bà T2 và ông T3, vì vậy theo yêu cầu của bà Ngô Thị T, Tòa án đã tiến hành trưng cầu phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk giám định và tại Kết luận giám định số: 23/PC09, ngày 16/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận như sau:

1./ Chữ viết, chữ ký mang tên T3 tại dòng viết thứ 6 và 7 tính từ dưới lên trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chứ ký, chữ viết đứng tên Trịnh Minh T3 trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M3, **là do một người viết và ký ra**.

2./ Chữ viết phần nội dung còn lại và chữ ký T2 tại dòng viết thứ 8 tính từ dưới lên trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 (trừ phần chữ viết, chữ ký đã kết luận ở mục 1) so với chữ viết và chữ ký đứng tên Cao Thị T2 trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 **là do một người viết và ký ra.**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham dự phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng

dân sự; Thành phần Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung: Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc đề nghị HĐXX căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 161, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 256, Điều 427, Điều 471, khoản 1 Điều 474 BLDS năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà Ngô Thị T.

Buộc bà Cao Thị T2 và ông Trịnh Minh T3 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ngô Thị T số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Buộc bà Cao Thị T2 phải trả cho bà Ngô Thị T số tiền là 23.000.000 đồng (*Hai mươi ba triệu đồng*).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị T đối với việc yêu cầu bị đơn bà Cao Thị T2 và ông Trịnh Minh T3 phải trả lãi suất theo quy định pháp luật của số tiền vay 33.000.000 đồng kể từ ngày vay cho đến khi trả hết nợ.

Về chi phí giám định: Buộc bà Cao Thị T2 và ông Trịnh Minh T3 phải thanh toán lại cho bà Ngô Thị T số tiền 5.040.000 đồng (năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền chi phí giám định.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Cao Thị T2 và ông Trịnh Minh T3 phải chị án phí dân sự sơ thẩm theo quy đinh pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Ngô Thị T lập ngày 20/12/2018, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào chứng cứ cũng như lời khai của các đương sự, HĐXX xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Kiện đòi tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm bà Ngô Thị T khởi kiện, bị đơn bà Cao Thị T2 và ông Trịnh Minh T3 có cư trú tại thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thời hiệu khởi kiện**:** Bà Ngô Thị T yêu cầu ông Trịnh Minh T3 và bà Cao Thị T2 phải trả 33.000.000 đồng tiền vay vào năm 2006. HĐXX xét thấy: Việc ông Trịnh Minh T3 và bà Cao Thị T2 vay tiền của bà T vào ngày 07 tháng 7 năm 2006, hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 22 tháng 7 năm 2006; còn các ngày vay 11, 12, 14 tháng 7 không thể hiện năm và thời hạn trả nợ, nhưng bà T khẳng định đây là khoản vay năm 2006, các bên thoả thuận miệng thời hạn trả nợ là 01 tuần kể từ ngày vay. Căn cứ Điều 427 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì *"thời hiệu khởi kiện là 02 (hai) năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân bị xâm phạm"*,tính đến ngày bà Ngô Thị T làm đơn khởi kiện (ngày 20/12/2018) làđã hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *"Chủ sở hữu, người chiếm hữu hợp pháp có quyền yêu cầu người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật đối với tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc quyền chiếm hữu hợp pháp của mình phải trả lại tài sản đó ....."*, Do đó bà Ngô Thị T có quyền yêu cầu ông Trịnh Minh T3 và bà Cao Thị T2 phải trả lại tiền cho mình.

[3] Về nội dung vụ án: Tại biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất,biên bản hoà giải và tại phiên toà bà Cao Thị T2 và ông Trịnh Minh T3 cho rằng, ông bà không vay 33.000.000 đồng của bà T, năm 2006 ông bà chỉ vay của bà T 10.000.000 đồng, thời điểm đó bà T là người trực tiếp viết vào sổ nợ, bà T2 chỉ ký nhận nợ, chứ không trực tiếp viết vào sổ nợ của bà T, sau khi vay 10.000.000 đồng trên thì bà T đã mang thửa đất bà T2, ông T3 thế chấp bán cho người khác, nên bà T2, ông T3 không đồng ý trả 10.000.000 đồng cho bà T nữa, ngoài việc bà T2 ký vào sổ nhận nợ 10.000.000 đồng cho bà T, thì bà T2 và ông T3 không vay và không ký nhận nợ bất kỳ khoản vay nào khác của bà T, chữ viết trong chứng cứ bà T dùng để khởi kiện không phải là chữ viết của bà T2 và cũng không phải chữ ký của bà T2 và ông T3. Tuy nhiên bà T2, ông T3 lại không chứng minh được khoản vay 10.000.000 đồng mà ông bà đề cập trên nằm trong khoản vay 33.000.000 đồng bà T đang khởi kiện, để phản tố yêu cầu Tòa án đối trừ nghĩa vụ trả nợ. Còn bà T thì cho rằng khoản vay 10.000.000 đồng mà bà T2, ông T3 đề cập trên, đó là một khoản vay khác và bà T2 và ông T3 đã đồng ý bàn giao đất thay vì trả 10.000.000 đồng cho bà,khoản vay đó không liên quan tới các khoản vay 33.000.000 đồng bà đang khởi kiện.

Vì vậy, theo yêu cầu của bà Ngô Thị T, Tòa án đã tiến hành trưng cầu phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk giám định và tại Kết luận giám định số: 23/PC09, ngày 16/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận toàn bộ chữ viết trong chứng cứ bà Ngô Thị T dùng để khởi kiện là chữ viết của bà Cao Thị T2 và chữ ký của bà Cao Thị T2 và ông Trịnh Minh T3.

Tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 quy định :

" Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ T3 hợp có thoả thuận khác."

Tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy đinh:

"1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc *giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.*

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này."

Như vậy, đối với số tiền 15.000.000 đồng mượn vào ngày 07/7/206 (bà T xác định là năm 2006) là chữ viết của bà T2, sau đó bà T2 và ông T3 đều ký xác nhận nợ, khoản tiền này bà T xác nhận bà T2 và ông T3 đã trả 5.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng, nên cần buộc bà T2 và ông T3 có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà T số tiền trên.

Đối với số tiền mượn vào các ngày 11, 12, 14 tháng 7 với tổng số tiền 23.000.000 đồng (nhưng không thể hiện năm mượn, tuy nhiên bà T xác định bà T2 đều mượn vào năm 2006), theo kết quả giám định đây là chữ viết của bà T2, vì vậy, HĐXX xác định bà T2 có mượn tiền thì mới viết nhận nợ vào sổ bà T, nên cần buộc một mình bà T2 phải trả số tiền 23.000.000 đồng cho bà Ngô Thị T.

Ngoài ra trong đơn khởi kiện, bà Ngô Thị T yêu cầu bà Cao Thị T2 và ông Trịnh Minh T3 phải trả lãi suất của số tiền vay 33.000.000 đồng, kể từ ngày vay cho đến khi trả hết nợ theo quy định của pháp luật, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà T đã rút phần lãi suất, chỉ yêu cầu bà T2, ông T3 trả tiền gốc 33.000.000 đồng. Xét thấy việc bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, nên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 244 của BLTTDS đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu tính lãi suất là hoàn toàn có căn cứ.

[4]. Về chi phí giám định chữ ký:Trong quá trình giải quyết vụ án do bà Cao Thị T2 và ông Trịnh Minh T3 không thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy mượn tiền mà bà Ngô Thị T dùng để khởi kiện là của mình, nên theo đơn yêu cầu của bà Ngô Thị T, Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà Cao Thị T2 và ông Trịnh Minh T3, tại bản Kết luận giám định số: 23/PC09, ngày 16/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận chữ viết trong giấy mượn tiền là của bà Cao Thị T2 và chữ ký trong giấy mượn tiền là của bà Cao Thị T2 và ông Trịnh Minh T3, nên áp dụng khoản 4 Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Buộc bà Cao Thị T2 và ông Trịnh Minh T3 phải chịu

chi phí giám định chữ ký là 5.040.000 đồng, số tiền này bà Ngô Thị T đã nộp, nên buộc bà Cao Thị T2 và ông Trịnh Minh T3 phải thanh toán lại cho bà Ngô Thị T là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[5]Về án phí: bà Cao Thị T2 và ông Trịnh Minh T3 phải liên đới chịu 500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Theo mức tính: 10.000.000 đồng x 5% = 500.000 đồng. Bà Cao Thị T2 phải chịu 1.150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Theo mức tính: 23.000.000 đồng x 5% = 1.150.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Ngô Thị T số tiền 825.000đ *(tám trăm hai mươi lămnghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 4 Điều 161,khoản 2 Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Điều 256, Điều 427,khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T.

Buộc bà Cao Thị T2 và ông Trịnh Minh T3 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị T số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Buộc bà Cao Thị T2 phải trả cho bà Ngô Thị T số tiền là 23.000.000 đồng (*Hai mươi ba triệu đồng*).

Về chi phí giám định: Buộc bà Cao Thị T2 và ông Trịnh Minh T3 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị T 5.040.000 đồng*(năm triệu không trăm bốn mươi nghìnđồng)*tiền chi phí giám định.

"Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015".

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị T đối với việc yêu cầu bị đơn bà Cao Thị T2 và ông Trịnh Minh T3 phải trả lãi suất của số tiền vay 33.000.000 đồng, theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi trả hết nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Cao Thị T2 và ông Trịnh Minh T3 phải liên đới chịu 500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Cao Thị T2 phải chịu 1.150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Ngô Thị T 825.000đ *(tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số AA/2017/009635 ngày 20/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

"*Trong T3 hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS Huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Chu Anh Hùng